TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1427/2025/HNST, ngày 23/12/2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị M.H; địa chỉ: Số 46 đường Q, phường P, Thành phố H và ông Nguyễn Hải D; địa chỉ: Số 5A đường O, phường G, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà M.H và ông D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường M, quận G nay là phường G, Thành phố H cấp ngày 18/9/2015.

[2] Theo đơn yêu cầu thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 06/01/2026. Bà M.H và ông D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông bà không có con chung. Tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải. Xét thấy, bà M.H và ông D thật sự tự nguyện ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M.H và ông Nguyễn Hải D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường M quận G nay là phường G, Thành phố H cấp ngày 18/9/2015, không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà M.H và ông D không con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà M.H và ông D không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

1.4. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà M.H và ông D chịu. Cấn trừ tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu số 0051497, ngày 19/12/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M.H và ông D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND khu vực A;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS khu vực A;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hạnh